



(12) **BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)**
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11) 
1-0021435

(51)⁷ **A61K 36/00, 36/54, 36/282, 36/906**

(13) **B**

(21) 1-2014-01687

(22) 26.05.2014

(45) 26.08.2019 377

(43) 25.12.2015 333

(73) **CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC KHÁNH THIỆN (VN)**

Số 193 đường Kênh Dương, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

(72) **Phạm Thị Chấn (VN)**

(54) **CHẾ PHẨM NGẢI CỨU DÙNG ĐỂ ĐIỀU TRỊ CẢM VÀ BỆNH NGOÀI DA VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm ngải cứu chứa bột ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thơm lồm, tía tô, phòng phong, tế tân, long não và natri clorua để điều trị cảm và bệnh ngoài da. Chế phẩm theo sáng chế dễ sử dụng, an toàn, có thể dùng để ngâm tắm, xông hoặc pha thành nước uống hữu ích trong việc điều trị cảm và bệnh ngoài da. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến quy trình bào chế chế phẩm này.

Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế thuộc lĩnh vực y dược cổ truyền, cụ thể là sáng chế đề cập đến chế phẩm ngải cứu dùng để điều trị cảm và bệnh ngoài da và quy trình sản xuất chế phẩm này.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Trong y học cổ truyền, đã có nhiều bài thuốc dân gian dùng để giải cảm, giúp tiêu độc, trừ hàn và điều trị các bệnh ngoài da. Các bài thuốc dân gian này chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm người dùng và không có một tiêu chuẩn cụ thể về thành phần cũng như tỷ lệ giữa chúng để có hiệu quả cao nhất. Việc phối chế các thành phần thảo dược khác nhau có thể dẫn đến các hiệu quả khác nhau. Có một đặc trưng đối với y học cổ truyền đó là các bài thuốc có thể được lưu truyền rộng rãi trong cộng đồng, nhưng bài thuốc thực sự có hiệu quả, với thành phần cụ thể để đưa đến hiệu quả bất ngờ luôn được giữ bí mật và được bí truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Các thành phần dựa trên ngải cứu, tía tô, hương nhu, lá bưởi, cúc tần, lá tre, mùi già, ngải cứu, tía tô, long não là những bài thuốc được sử dụng nhiều trong việc giải cảm. Các thành phần này thường được sử dụng tươi và được nấu rồi xông cho đến khi bệnh nhân ra mồ hôi giúp trừ độc, thông khí. Các thành phần nêu trên chủ yếu chứa tinh dầu, một phần giúp tiêu trừ phong hàn, giúp tinh thần sảng khoái, một phần tăng cường khả năng dẫn thuốc để giải độc cơ thể. Tuy nhiên, việc phối hợp các thành phần này thường theo thói quen và tùy vào khả năng tiếp cận nguồn nguyên liệu mà có những thay đổi, do đó hiệu quả không cao, đôi khi xông tắm còn gây phỏng rộp da. Lá trầu được sử dụng để tắm hoặc bôi da để điều trị các bệnh về da như dị ứng, phát ban, mẩn ngứa. gừng, quế và muối ăn được sử dụng kết hợp với một số loại thảo dược khác để tăng mùi cho các sản phẩm trà thảo dược.

Vì phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm nên các thành phần thảo dược được sử dụng ít khi được tính toán tỷ lệ nhằm thu được hiệu quả hiệp đồng đối với các dược chất. Chính điều này khiến cho hiệu quả của các bài thuốc cổ truyền thấp và gây lãng phí dược liệu, chưa kể đến việc sử dụng theo thói quen có nguy cơ dẫn đến phản tác dụng, gây ngộ độc dược chất.

Đã có nhiều cải tiến trong việc phối chế các nguyên liệu và cách thức tạo ra chế phẩm để xông hoặc tắm giải cảm. Tuy nhiên, các phương pháp này chủ yếu vẫn sử dụng dạng nguyên liệu thô được băm, đóng thành các gói, khi sử dụng phải nấu nên hiệu quả không cao, dễ gây bỏng và mất tinh dầu. Ngoài ra, do đặc tính một số thành phần thảo dược, nguyên liệu khô bị suy giảm chất lượng do đó hiệu quả sử dụng kém hoặc không có hiệu quả.

Bằng sáng chế số 12215 đề cập đến viên thuốc ngải cứu dạng viên nén, trong đó các thành phần, chủ yếu là ngải cứu, được nén thành viên và được sử dụng để xông bởi máy ngải cứu. Ngoài ra, việc điều trị các bệnh ngoài da hiện vẫn dừng lại ở các dạng thuốc tắm, kem bôi được bào chế phức tạp. Các dạng trà giải cảm vẫn sử dụng phối chế, bổ sung các thành phần tùy theo sở thích của từng người và được sử dụng ở dạng hỗ trợ kết hợp với thuốc đặc trị.

Do tính phức tạp của thành phần và tính hiệu quả không rõ ràng của các chế phẩm đông y cùng với việc sử dụng không thuận tiện, nên mặc dù có rất nhiều vị thuốc, nhưng người dân vẫn phải trông cậy vào thuốc tân dược. Cần lưu ý rằng, các thuốc tân dược điều trị các bệnh về da thường chứa corticoit nên ảnh hưởng lâu dài đến người bệnh. Vì vậy, cần có cải tiến để tạo ra chế phẩm thảo dược dễ sử dụng, hiệu quả và có khả năng sử dụng với nhiều mục đích khác nhau, theo nhiều cách khác nhau đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Sáng chế nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên, cụ thể sáng chế đề cập đến chế phẩm ngải cứu để điều trị cảm và bệnh ngoài da và quy trình sản xuất chế phẩm ngải cứu này.

Theo khía cạnh thứ nhất, sáng chế đề cập đến chế phẩm ngải cứu dùng để điều trị cảm và bệnh ngoài da, trong đó chế phẩm này bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	30-80
Quế chi:	5-15
Can khương:	3-13
Trầu không:	1-9
Thồm lồm:	1-9

Tía tô:	1-9
Phòng phong:	1-9
Tế tân:	1-9
Long não:	1-9
Natri clorua:	1-5.

Theo một phương án ưu tiên, chế phẩm theo sáng chế bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	50
Quế chi:	10
Can khương:	8
Trầu không:	5
Thồm lồm:	5
Tía tô:	5
Phòng phong:	5
Tế tân:	5
Long não:	5
Natri clorua:	2.

Theo một phương án ưu tiên, trong đó chế phẩm này ở dạng bột và được đựng trong túi lọc.

Theo khía cạnh thứ hai, sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất chế phẩm theo sáng chế, trong đó quy trình này bao gồm các bước:

(a) sơ chế nguyên liệu bằng cách lựa chọn các thành phần bao gồm ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, tế tân và long não rửa sạch, thái nhỏ và phơi khô và nghiền riêng thành bột mịn, natri clorua được rang khô và nghiền mịn;

b) chuẩn bị nguyên liệu bằng cách định lượng các thành phần nguyên liệu được chuẩn bị ở bước sơ chế nguyên liệu theo tỷ lệ % trọng lượng sau:

Bột ngải cứu:	30-80
Quế chi:	5-15
Can khương:	3-13

Trầu không:	1-9
Thồm lồm:	1-9
Tía tô:	1-9
Phòng phong:	1-9
Tế tân:	1-9
Long não:	1-9
Natri clorua:	1-5; và

c) thu chế phẩm ngải cứu bằng cách trộn đều các thành phần ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, tế tân và long não trong thiết bị trộn, cuối cùng phối trộn với natri clorua và ủ trong 15 phút, thu được chế phẩm ngải cứu.

Theo một phương án ưu tiên, trong đó tỷ lệ thành phần nguyên liệu trong bước chuẩn bị nguyên liệu bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	50
Quế chi:	10
Can khương:	8
Trầu không:	5
Thồm lồm:	5
Tía tô:	5
Phòng phong:	5
Tế tân:	5
Long não:	5
Natri clorua:	2.

Chế phẩm bột ngải cứu theo sáng chế còn được đóng trong các túi lọc thích hợp sử dụng theo đường uống hoặc xông để điều trị cảm lạnh, sổ mũi hoặc pha với nước tắm để trị các bệnh ngoài da.

Mô tả chi tiết sáng chế

Sau đây, sáng chế mô tả chi tiết với các phương án và các ví dụ thực hiện cụ thể, tuy nhiên, các phương án và các ví dụ này chỉ nhằm làm rõ bản chất của sáng chế chứ không nhằm mục đích hạn chế phạm vi yêu cầu bảo hộ của sáng chế.

Các thành phần được sử dụng theo sáng chế là các thảo dược bao gồm ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lôm, tia tô, phòng phong, tế tân, long não và natri clorua (muối ăn).

Ngải cứu còn gọi là cây thuốc cứu, cây thuốc cao, ngải diệp có tên khoa học là *Artemisia vulgaris* L. thuộc họ Cúc (*Asteraceae*). Cây ngải cứu được ứng dụng rất nhiều trong y học cổ truyền có tác dụng điều kinh, an thai, chữa lỵ, thổ huyết, máu cam, băng huyết, lậu huyết, bạch đới, đau dây thần kinh, chữa tăng huyết áp. Lá ngải cứu khô được dùng làm môi cứu trên các huyết. Cây ngải cứu được sử dụng như thuốc xông tắm điều trị các bệnh liên quan đến cảm mạo, phong hàn. Thành phần bột ngải cứu theo sáng chế thu được từ phần trên mặt đất của cây ngải cứu, phơi khô và nghiền thành bột. Thành phần bột ngải cứu theo sáng chế đóng vai trò chất chủ đạo trong việc giải cảm và trị các bệnh liên quan đến da. Theo sáng chế, thành phần bột ngải cứu được sử dụng với lượng từ 30 đến 80% trọng lượng, tốt hơn là 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70 hoặc 75% trọng lượng của chế phẩm.

Quế chi là vỏ từ cành của cây quế có tên khoa học là *Cinnamomum loureirii* Nees thuộc họ Long não có tên vị thuốc là *Ramulus Cinnamoni*. Quế chi là một vị thuốc được sử dụng rộng rãi trong đông y và tây y. Trong đông y, quế chi có vị cay, ngọt, cay nóng, quy vào 2 kinh can và thận có tác dụng bổ mệnh môn tướng hỏa, trị cổ lãnh trầm hàn, dùng để chữa chân tay co quắp, lưng gối tê mỏi, bụng quặn đau, kinh nguyệt bế, tiểu tiện bất lợi, trên nóng dưới lạnh, ung thư, người âm hư, có tác dụng co mạch, tăng bài tiết, gây co bóp tử cung, tăng nhu động ruột. Thành phần quế chi theo sáng chế có tác dụng giữ ấm, trị cảm lạnh, cảm nóng, làm chất dẫn tăng cường trao đổi chất. Theo sáng chế, thành phần quế chi được sử dụng với lượng từ 5 đến 15% trọng lượng, tốt hơn là 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 hoặc 14% trọng lượng của chế phẩm.

Can khương hay còn là củ gừng khô, cây gừng có tên khoa học là *Zingiber Officinale* Rose. Cây gừng được trồng, mùa đông khi cây tàn lụi, đào thu hái lấy thân củ già và phơi khô. Theo đông y, can khương có tác dụng phát biểu, tán hàn, ôn trung, giáng khí, trị ho tiêu đờm, hành thủy, giải độc, trị phong hàn, thấp, tý, khí nghịch (nấc), hồi dương, thông mạch, thổ tả, bụng đau, chân tay lạnh, mạch nhỏ, hàn ẩm, ho suyễn, cảm mạo phong hàn, đau bụng lạnh, đi ỉa lỏng, mệt mỏi, nôn mửa, điều hòa huyết áp. Can khương tính nóng, vị cay, mùi thơm hắc quy vào kinh tâm, tỳ, phế. Trong dân gian, can khương được sử dụng để giúp tiêu hóa, chống nôn, chống viêm, giảm đau, chống lạnh, kích thích các cơ quan trong cơ thể dùng chữa các chứng bệnh đau bụng do lạnh, bụng đầy trướng, ăn không tiêu, nôn mửa, tiêu chảy, mạch yếu, hen suyễn, cảm lạnh và dùng làm gia vị. Theo sáng chế, thành phần can khương được sử dụng với

lượng từ 3 đến 13% trọng lượng, tốt hơn là 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 hoặc 12% trọng lượng của chế phẩm.

Trầu không có tên khoa học là *Piper betle* L là một loài cây leo sống lâu năm. Bộ phận sử dụng là lá tươi. Lá trầu được sử dụng như là chất kích thích, chất khử trùng và chất làm sạch hơi thở. Trong y học Ayurveda, trầu không còn được sử dụng như là thuốc kích dục. Tại Malaysia chúng được sử dụng để điều trị chứng đau đầu, viêm khớp và các thương tổn khớp. Tại Thái Lan và Trung Quốc chúng được dùng để làm dịu bệnh đau răng. Tại Indonesia chúng được uống như một loại trà và sử dụng như là thuốc kháng sinh. Chúng cũng được sử dụng trong trà để điều trị chứng khó tiêu, cũng như trong thuốc mỡ hay thuốc hít để điều trị đau đầu, cũng như trong điều trị chứng táo bón, cũng như có tác dụng thông mũi và hỗ trợ tiết sữa. Trong dân gian, ngoài công dụng chắc răng (dùng để ăn trầu), lá trầu không được sử dụng như một thành phần sát khuẩn, rửa các vết lở loét, mụn nhọt mẩn ngứa, viêm hạch bạch huyết. Nước hãm lá trầu không còn được dùng làm thuốc nhỏ mắt, chữa viêm kết mạc, xông đau mắt, chữa bệnh chàm mặt của trẻ em sơ sinh, chữa được các vết loét hoại tử. Theo sáng chế, thành phần trầu không được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm.

Thồm lồm còn được gọi là đuôi tôm, mía giò, đây là một loài cây dại mọc nhiều ở Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Lào,... có tên khoa học là *Polygonum sinense* L thuộc họ Polygonaceae. Bộ phận sử dụng là thân và lá. Thồm lồm có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, trừ thấp, tiêu thũng, chỉ thống (giảm đau - làm hết đau) chữa lỵ, trĩ bì phu (da) thấp độc, ung thũng sưng đau. Trong học dân tộc, thồm lồm được sử dụng để chữa mụn nhọt, lở loét, lở vành tai, chốc đầu, chốc mép, chàm, bệnh nhiễm liên cầu khuẩn ở da bằng cách sử dụng lá tươi giã nát đắp, hoặc vắt lấy nước bôi, nấu cao đặc bôi. Lá khô sắc uống chữa ung nhọt, lỵ. Lá tươi (20-30g) nhai nuốt nước, bã đắp chữa rắn cắn. Theo sáng chế, thành phần thồm lồm được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm.

Tía tô còn gọi là tử tô, tô ngành, tô điệp có tên khoa học là *Perilla frutescens* L. Britt. Tía tô có tác dụng trị cảm mạo phong hàn, hắt hơi sổ mũi, biểu hiện viêm long đường hô hấp, ho, khí suyễn, buồn nôn, nôn mửa khi mang thai, chữa trúng độc cua, cá, trị đờm suyễn, ho khí nghịch, táo bón. Tía tô có tác dụng rõ rệt đối với bệnh mạch vành, mỡ trong máu cao, giúp giảm mệt mỏi khi dùng theo đường uống cũng như tắm, mát xa. Theo y học dân gian, tía tô được sử dụng để tạo hưng phấn, trị cảm, nhức mỏi, ho suyễn. Theo sáng chế, thành phần tía tô được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm.

Phòng phong là rễ của cây Phòng phong có tên khoa học là *Ledebouriella root*, là cây mọc nhiều ở Trung Quốc, bộ phận dùng là rễ thái lát phơi khô, nước sắc Phòng phong có tác dụng ức chế một số virus cúm, ức chế sự phát triển của một số loài vi khuẩn *Shigella* spp, *Pseudomonas aeruginosa*, *Staphylococcus aureus*. Dịch chiết Phòng phong có tác dụng hạ nhiệt, giảm đau. Trong y học cổ truyền, Phòng phong có vị ngọt tính ấm, quy vào kinh túc Dương minh Vị và Thái âm tỳ và các kinh Phế, Can, Đại trường và Tam tiêu chủ trị phong, đầu đau, chóng mặt, xương đau nhức, phiền, trướng, thải độc cơ thể. Phòng phong được sử dụng kết hợp với các vị thuốc bắc để trị mụn, ban chẩn, thương hàn, phong đòn, khí uất, nôn mửa, chóng mặt, đỏ mồm và trị bệnh về đường tiêu hóa. Ngoài ra, thảo dược này còn được coi là có tác dụng trừ độc tính của phụ tử, trị 36 chứng phong, bổ trung, ích thần, mất sưng đau do phong, thông lợi ngũ tạng quan mạch, ngũ lao, thất thương, mồm hôi trộm, tâm phiền, cơ thể nặng nề, an thần, định chí, quân bình khí mạch, hành kinh lạc, trục thấp đàm, thông quan tiết, chỉ thống, thư cân mạch, hoạt chi tiết (làm các khớp ở chân tay lưu thông), làm mất hết đỏ, chảy nước mắt sống, mồm hôi tự ra, mồm hôi trộm, lậu hạ, băng trung. Theo sáng chế, thành phần phòng phong được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm.

Tế tân có tên khoa học là *Herba asaricum Radice*, có tác dụng giải nhiệt (hạ nhiệt), kháng khuẩn (cồn chiết tế tân có tác dụng kháng khuẩn rõ rệt *in vitro* đối với vi khuẩn gram dương và trực khuẩn thương hàn), giảm đau (thuốc có tác dụng gây tê tại chỗ). Theo Đông y, thuốc có tác dụng phát hãn, tán hàn, trấn thống, khu đàm, chỉ khái, làm ấm phổi và trừ đàm ẩm, giảm xung huyết mũi. Theo sáng chế, thành phần tế tân được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm.

Long não có tên khoa học là *Cinnamomum camphora*, có tác dụng đối với trung khu thần kinh, cụ thể long não có tác dụng hưng phấn trung khu thần kinh, tăng cường hô hấp và tuần hoàn, nhất là trung khu thần kinh đang ở trạng thái ức chế thì tác dụng càng rõ. Cơ chế tác dụng là lúc tiêm dưới da, thuốc kích thích tại chỗ gây phản xạ hưng phấn. Khi bôi vào da, long não gây cảm giác ấm, kích thích và diệt khuẩn. Long não cũng gây cảm giác mát, tê. Khi uống long não kích thích niêm mạc dạ dày (liều nhỏ gây cảm giác ấm áp dễ chịu, liều cao gây buồn nôn, nôn). Long não có tác dụng hưng phấn cơ tim đối với tim đang suy yếu nhưng với liều thông thường không có tác dụng nào đối với cơ tim. Trong một số thí nghiệm cho thấy, đối với trung khu mạch máu, chỉ khi nào chức năng bị suy kiệt, thuốc mới có tác dụng hưng phấn. Long não được hấp thu dễ và nhanh qua da, niêm mạc bất cứ nơi nào trên cơ thể, kể cả niêm mạc

dạ dày cho tác dụng trừ mụn nhọt, trị sang lở, trừ hàn thấp, liệt dương, đau nhức. Theo sáng chế, thành phần long não được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm.

Natri clorua hay còn gọi là muối ăn trong chế phẩm theo sáng chế đóng vai trò là tá dược giúp cân bằng nồng độ điện giải của dung dịch khi sử dụng. Theo sáng chế, thành phần natri clorua được sử dụng với lượng từ 1 đến 5% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3 hoặc 4% trọng lượng của chế phẩm.

Theo đó sáng chế đề cập đến chế phẩm ngải cứu dùng để điều trị cảm và bệnh ngoài da và quy trình sản xuất chế phẩm này từ các thành phần bao gồm ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, té tân, long não và natri clorua.

Theo khía cạnh thứ nhất, sáng chế đề cập đến chế phẩm ngải cứu dùng để điều trị cảm và bệnh ngoài da, trong đó chế phẩm này bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	30-80
Quế chi:	5-15
Can khương:	3-13
Trầu không:	1-9
Thồm lồm:	1-9
Tía tô:	1-9
Phòng phong:	1-9
Té tân:	1-9
Long não:	1-9
Natri clorua:	1-5.

Theo một phương án ưu tiên, chế phẩm theo sáng chế bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	50
Quế chi:	10
Can khương:	8
Trầu không:	5
Thồm lồm:	5

Tía tô:	5
Phòng phong:	5
Tế tân:	5
Long não:	5
Natri clorua:	2.

Các thành phần của chế phẩm được bào chế và phối trộn với tỷ lệ tối ưu để đưa lại hiệu quả vượt trội trong việc điều trị cảm và bệnh ngoài da. Các thành phần này cho phép người sử dụng có thể pha thành chế phẩm để uống hoặc bôi hoặc có thể sử dụng để tắm. Chế phẩm theo sáng chế tốt hơn là được bào chế ở dạng bột mịn và được đựng trong túi lọc để dễ sử dụng. Chế phẩm thích hợp để sử dụng theo đường uống để điều trị cảm hoặc dùng để ngâm, tắm, đắp hoặc xông để điều trị các bệnh về da. Các bệnh về da bao gồm bệnh sởi, phát ban, thủy đậu, rôm, mụn nhọt, ghẻ lở ở trẻ em hoặc khử trùng ở các vết thương kín và hở.

Theo khía cạnh thứ hai, sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất chế phẩm theo sáng chế, trong đó quy trình này bao gồm các bước: a) sơ chế nguyên liệu; b) chuẩn bị nguyên liệu; và c) thu chế phẩm ngải cứu.

Trong bước sơ chế nguyên liệu, các thành phần bao gồm ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, tế tân và long não được thu hái, chế biến theo phương pháp sơ chế nguyên liệu của y học cổ truyền, cụ thể:

Ngải cứu cắt cả thân lá tươi của cây ngải cứu, nhặt bỏ các lá già, khô và tạp chất, rửa sạch và phơi trong bóng râm cho đến héo, sau đó phơi sấy đến khô giòn và nghiền thành bột để thu bột ngải cứu mịn màu nâu, mùi thơm đặc trưng.

Quế chi lựa chọn thân cành của cây quế, phơi khô và sấy đến khô giòn, sau đó nghiền mịn thành bột. Bột quế chi có mùi thơm hắc, vị cay nồng đặc trưng.

Can khương thu được bằng cách thu hái thân củ già của cây gừng, sau khi rửa sạch, loại bỏ tạp chất, rễ, thái mỏng và phơi khô. Can khương được sấy khô giòn và nghiền thành bột mịn, bột can khương có vị cay, thơm mùi gừng.

Trầu không được thu hái phần lá, rửa sạch và phơi trong bóng râm. Lá trầu sau khi phơi được đưa nghiền thành bột thu được bột trầu không mùi thơm hắc, vị cay sốc.

Các thành phần bao gồm thồm lồm, tía tô, tế tân thu thu hái cả thân, rễ và lá, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, phơi khô, sau đó nghiền thành bột để làm nguyên liệu theo sáng chế.

Phòng phong thu hái phần rễ chính của cây Phòng phong, sau đó phơi nắng, ngâm nước cất thành từng đoạn rồi phơi sấy đến khi khô và nghiền mịn. Bột phòng phong có màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị ngọt.

Long não thu hái cả phần lá và cành, rửa sạch và băm nhỏ phơi đến khô. Sau đó, xay mịn cả cành và lá thành bột mịn, thu được bột long não màu vàng nhạt, mùi thơm tinh dầu long não dễ chịu.

Thành phần natri clorua được rang khô đến khi hạt muối được chuyển sang dạng màu trắng sữa, chuyển sang thiết bị nghiền để thu bột mịn.

Trong bước chuẩn bị nguyên liệu, các thành phần bột ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, tế tân, long não và natri clorua dạng bột thu được ở trên được định lượng nguyên liệu theo tỷ lệ % trọng lượng sau:

Thành phần bột ngải cứu được sử dụng với lượng từ 30 đến 80% trọng lượng, tốt hơn là 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70 hoặc 75% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần bột ngải cứu chiếm 50% trọng lượng chế phẩm. Thành phần quế chi được sử dụng với lượng từ 30 đến 80% trọng lượng, tốt hơn là 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70 hoặc 75% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần quế chi chiếm 10% trọng lượng chế phẩm. Thành phần can khương được sử dụng với lượng từ 3 đến 13% trọng lượng, tốt hơn là 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 hoặc 12% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần can khương chiếm 8% trọng lượng chế phẩm. Thành phần trầu không được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần trầu không chiếm 5% trọng lượng chế phẩm. Thành phần thồm lồm được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần thồm lồm được sử dụng chiếm 5% trọng lượng chế phẩm. Thành phần tía tô được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần tía tô được sử dụng chiếm 5% trọng lượng chế phẩm. Thành phần phòng phong được sử dụng với lượng từ

1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần phòng phong chiếm 5% trọng lượng chế phẩm. Thành phần tế tân được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần tế tân chiếm 5% trọng lượng chế phẩm. Thành phần long não được sử dụng với lượng từ 1 đến 9% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3, 4, 5, 6, 7 hoặc 8% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần long não chiếm 5% trọng lượng của chế phẩm. Thành phần natri clorua được sử dụng với lượng từ 1 đến 5% trọng lượng, tốt hơn là 2, 3 hoặc 4% trọng lượng của chế phẩm. Theo một phương án ưu tiên, thành phần natri clorua chiếm 2% trọng lượng của chế phẩm.

Trong bước thu chế phẩm ngải cứu, các thành phần bao gồm ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lôm, tía tô, phòng phong, tế tân và long não được đưa vào thiết bị trộn và trộn đều, sau đó phối trộn với natri clorua và ủ trong 15 phút. Chế phẩm ngải cứu sau khi phối trộn thu được ở dạng bột mịn màu nâu nhạt, mùi thơm dịu.

Chế phẩm bột ngải cứu theo sáng chế còn được đưa vào thiết bị đóng gói để đóng trong các túi lọc với trọng lượng từ 10 đến 200g, thích hợp sử dụng để pha trà sử dụng theo đường uống hoặc đưa vào thiết bị xông hơi để điều trị cảm lạnh, sổ mũi hoặc pha với nước tắm để trị các bệnh ngoài da.

Ví dụ thực hiện sáng chế

Ví dụ 1: Sản xuất chế phẩm ngải cứu

Để sản xuất 100 kg chế phẩm ngải cứu dùng để điều trị cảm và bệnh ngoài da, thu hái các thành phần bao gồm ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lôm, tía tô, phòng phong, tế tân và long não, natri clorua sử dụng dạng tinh thể.

Ngải cứu cắt cả thân lá tươi của cây ngải cứu, nhặt bỏ các lá già, khô và tạp chất, rửa sạch và phơi trong bóng râm cho đến héo, sau đó phơi sấy đến khô giòn và nghiền thành bột để thu bột ngải cứu mịn màu nâu, mùi thơm đặc trưng, cân lấy 50 kg bột ngải cứu.

Quế chi lựa chọn thân cành của cây quế, phơi khô và sấy đến khô giòn, sau đó nghiền mịn thành bột. Bột quế chi có mùi thơm hắc, vị cay nồng đặc trưng, cân lấy 10 kg bột quế chi.

Can khương thu được bằng cách thu hái thân củ già của cây gừng, sau khi rửa sạch, loại bỏ tạp chất, rễ, thái mỏng và phơi khô. Can khương được sấy khô giòn và nghiền thành bột mịn, bột can khương có vị cay, thơm mùi gừng, cân lấy 8 kg bột can khương.

Trầu không được thu hái phần lá, rửa sạch và phơi trong bóng râm. Lá trầu sau khi phơi được đưa nghiền thành bột thu được bột trầu không mùi thơm hắc, vị cay sốc, cân lấy 5kg bột trầu không.

Các thành phần bao gồm thồm lồm, tía tô, té tân thu thu hái cả thân, rễ và lá, loại bỏ tạp chất, rửa sạch, phơi khô, sau đó nghiền thành bột, cân lấy mỗi thành phần 5kg.

Phòng phong thu hái phần rễ chính của cây phòng phong, sau đó phơi nắng, ngâm nước cất thành từng đoạn rồi phơi sấy đến khi khô và nghiền mịn, cân lấy 5kg bột phòng phong.

Long não thu hái cả phần lá và cành, rửa sạch và băm nhỏ phơi đến khô. Sau đó, xay mịn cả cành và lá thành bột mịn, thu được bột long não màu vàng nhạt, mùi thơm tinh dầu long não dễ chịu, cân lấy 5kg.

Natri clorua được rang khô đến khi hạt muối được chuyển sang dạng màu trắng sữa, chuyển sang thiết bị nghiền để thu bột mịn, cân lấy 2kg.

Trong bước chuẩn bị nguyên liệu, các thành phần bột ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, té tân, long não và natri clorua dạng bột thu được ở trên được định lượng nguyên liệu theo tỷ lệ % trọng lượng sau:

Chuyển 50 kg bột ngải cứu, 10 kg quế chi, 8kg can khương, 5kg trầu không, 5kg thồm lồm, 5kg tía tô, 5kg phòng phong, 5kg té tân và 5kg long não dạng bột thu được ở trên vào thiết bị trộn khô, tiến hành trộn đều các thành phần thành dạng bột đồng nhất, tiếp đó bổ sung 2kg natri clorua dạng bột và trộn tiếp trong 5 phút rồi ủ trong 15 phút thu được 100 kg chế phẩm ngải cứu ở dạng bột mịn màu nâu nhạt, mùi thơm dịu. Chế phẩm bột ngải cứu được đóng thành từng gói 200g trong túi lọc thu được 500 túi lọc.

Ví dụ 2: Thử nghiệm tác dụng điều trị cảm

Để thử nghiệm tác dụng điều trị cảm, tiến hành thử nghiệm đối với các đối tượng thử nghiệm có biểu hiện cảm cúm, nhức đầu, sổ mũi, người mệt mỏi, nóng sốt, đau cơ,

nhức khớp. Các đối tượng được chia thành các nhóm, mỗi nhóm 10 người sử dụng chế phẩm thử nghiệm theo Ví dụ 1, trong đó:

Nhóm 1: Được xông bằng chế phẩm thảo dược gói xông bằng lá khô được bán trên thị trường trọng lượng mỗi gói 1kg đun với 5 lít nước theo hướng dẫn của nhà cung cấp. Chế phẩm được nấu với nước, xông theo phương pháp xông hơi truyền thống, thời gian xông 30 phút, lặp lại 2 lần/ngày.

Nhóm 2: Sử dụng chế phẩm theo Ví dụ 1 theo đường uống, trong đó sử dụng 1 gói chế phẩm 200g chia 4, mỗi phần hãm với 1 lít nước sôi, chia ra 5 phần, uống lúc còn ấm. Quá trình lặp lại với 3 lần/ngày.

Nhóm 3: Sử dụng chế phẩm theo Ví dụ 1 theo đường xông hơi, trong đó sử dụng 1 gói chế phẩm 200g đưa vào đường xông hơi trong cabin xông khô để xông trong 10 phút. Quá trình xông được thực hiện 2 lần/ngày.

Nhóm 4: Sử dụng 3 gói chế phẩm theo Ví dụ 1, đun với 5 lít nước và pha loãng thành 30 lít nước sử dụng để ngâm tắm, mỗi lần ngâm tắm trong 30 phút, mỗi ngày tắm 1 lần.

Kết quả cho thấy, đối với nhóm thử nghiệm (nhóm 1), các biểu hiện cảm cúm vẫn còn sau 3 ngày thử nghiệm, quá trình xông ra nhiều mồ hôi và khó sử dụng, dễ gây bỏng do tiếp xúc với nồi nước xông. Đối với các nhóm thử nghiệm (nhóm 2 và 3) cho thấy tác dụng giải cảm được cải thiện rõ rệt sau 1 lần thử nghiệm, chỉ cần tới lần thứ 2, các biểu hiện cảm cúm không còn, sau 2 ngày thử nghiệm, các biểu hiện mệt mỏi, đau đầu hết hoàn toàn. Đối với nhóm 4, sau khi ngâm tắm, người bệnh thấy dễ chịu, các biểu hiện đau cơ, nhức khớp được cải thiện rõ rệt. Điều này cho thấy hiệu quả vượt trội đối với việc điều trị cảm của chế phẩm theo sáng chế. Ngoài ra, việc sử dụng theo đường uống dễ dàng, dung dịch có mùi thơm, vị hơi ngọt nên dễ sử dụng đặc biệt quá trình điều trị không cần phải lau tắm người sau mỗi lần thử nghiệm, thích hợp sử dụng cho người già và trẻ vị thành niên.

Ví dụ 3: Thử nghiệm tác dụng điều trị bệnh thủy đậu, sởi, phát ban

Để thử nghiệm tác dụng điều trị bệnh thủy đậu, sởi, phát ban, tiến hành thử nghiệm đối với các đối tượng thử nghiệm có biểu hiện mẩn đỏ da, ngứa, mề đay. Các

đối tượng được chia thành các nhóm, mỗi nhóm 10 người sử dụng chế phẩm thử nghiệm theo Ví dụ 1, trong đó:

Nhóm 1: Được bôi xanh metylen theo phác đồ điều trị bệnh thủy đậu, ngày bôi 2 lần, lau rửa bằng nước ấm, sạch.

Nhóm 2: Sử dụng 3 gói chế phẩm theo Ví dụ 1, đun với 5 lít nước và pha loãng thành 20 lít nước sử dụng để tắm, khử trùng, sát khuẩn ngoài da, mỗi ngày tắm 1 lần.

Nhóm 3: Sử dụng 1 gói chế phẩm theo Ví dụ 1, đun với 2 lít nước, để nguội dùng lau các vết ban đỏ để sát khuẩn, tránh nhiễm trùng. Mỗi ngày lau 1 lần.

Theo đó cho thấy, sau 3 ngày thử nghiệm, nhóm 1 các vết thủy đậu vỡ, lành miệng, sau 5 ngày các vết thương lên da non, bệnh nhân cảm giác ngứa, rát. Các nhóm 2 và 3 cho thấy các vết ban đỏ không phát triển thành các vết mọng nước, người bệnh nhanh chóng giảm các vết ngứa, mẩn, đến ngày thứ 3, cảm giác ngứa không còn, bệnh khỏi sau 5 ngày thử nghiệm.

Theo đó cho thấy hiệu quả của chế phẩm theo sáng chế trong việc điều trị bệnh thủy đậu, sởi và phát ban.

Ví dụ 4: Thử nghiệm tác dụng điều trị mụn nhọt, ghẻ lở

Để thử nghiệm tác dụng điều trị mụn nhọt, ghẻ lở, tiến hành thử nghiệm đối với các đối tượng thử nghiệm trên da nổi mụn có nguy cơ nhiễm khuẩn và ngứa ghẻ. Các đối tượng được chia thành các nhóm, mỗi nhóm 10 người sử dụng chế phẩm thử nghiệm theo Ví dụ 1, trong đó:

Nhóm 1: Được sử dụng thuốc mỡ trị ghẻ và sát trùng da theo phác đồ điều trị của bệnh viện.

Nhóm 2: Sử dụng 3 gói chế phẩm theo Ví dụ 1, đun với 5 lít nước và pha loãng thành 20 lít nước sử dụng để tắm, khử trùng, sát khuẩn ngoài da, mỗi ngày tắm 1 lần.

Nhóm 3: Sử dụng 1 gói chế phẩm theo Ví dụ 1, đun với 2 lít nước đến khi còn 0,5 lít, để nguội dùng lau chấm các vết ghẻ, mụn để sát khuẩn, tránh nhiễm trùng. Mỗi ngày lau 1 lần.

Nhóm 4: Sử dụng 1 gói chế phẩm theo Ví dụ 1, đun với 2 lít nước, để nguội dùng lau các vết ngứa để sát khuẩn, tránh nhiễm trùng. Mỗi ngày lau 1 lần. Nhóm này còn

được sử dụng 1 gói chế phẩm 200g chia 4, mỗi phần hãm với 1 lít nước sôi, chia ra 5 phần, uống lúc còn ấm.

Kết quả cho thấy, các nhóm thử nghiệm cho kết quả khả quan, các biểu hiện ngứa hoàn toàn biến mất sau 2 ngày thử nghiệm. Các vị trí mụn vỡ không bị nhiễm trùng. Sau 5 ngày thử nghiệm, các biểu hiện của bệnh không còn, các vết tổn thương do mụn lên da non, đóng vảy.

Điều này cho thấy, hiệu quả của chế phẩm là khả quan trong việc điều trị các bệnh ghẻ, ngứa tương ứng với các chế phẩm chuyên trị ghẻ.

Hiệu quả đạt được của sáng chế

Bằng cách kết hợp các thảo dược phổ biến với các tỷ lệ được điều chỉnh và phối trộn hợp lý, chế phẩm ngải cứu cho phép điều trị cảm và bệnh ngoài da hiệu quả. Chế phẩm an toàn cho sức khỏe, có khả năng thay thế được các chế phẩm tây y chứa corticoit.

Chế phẩm theo sáng chế có khả năng sử dụng để uống như trà thảo dược, có khả năng dùng để xông tắm hoặc bôi để điều trị các bệnh cảm và mẩn ngứa, ghẻ, mụn ngoài ra.

Quy trình theo giải pháp đơn giản, dễ thực hiện, có thể áp dụng dễ dàng và người dân hoàn toàn có thể thực hiện mà không cần các thiết bị chuyên dụng, đắt tiền. Việc đóng gói chế phẩm trong các túi lọc giúp dễ sử dụng, vệ sinh và an toàn cho người dùng.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Chế phẩm ngải cứu dùng để điều trị cảm và bệnh ngoài da, trong đó chế phẩm này bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	30-80
Quế chi:	5-15
Can khương:	3-13
Trầu không:	1-9
Thồm lồm:	1-9
Tía tô:	1-9
Phòng phong:	1-9
Tế tân:	1-9
Long não:	1-9
Natri clorua:	1-5.

2. Chế phẩm theo điểm 1, trong đó chế phẩm này bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	50
Quế chi:	10
Can khương:	8
Trầu không:	5
Thồm lồm:	5
Tía tô:	5
Phòng phong:	5
Tế tân:	5
Long não:	5
Natri clorua:	2.

3. Chế phẩm theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 2, trong đó chế phẩm này ở dạng bột được đựng trong túi lọc.

4. Quy trình sản xuất chế phẩm theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 3, trong đó quy trình này bao gồm các bước:

(a) sơ chế nguyên liệu bằng cách lựa chọn các thành phần bao gồm ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, tế tân và long não rửa sạch, thái nhỏ và phơi khô và nghiền riêng thành bột mịn, natri clorua được rang khô và nghiền mịn;

b) chuẩn bị nguyên liệu bằng cách định lượng các thành phần nguyên liệu được chuẩn bị ở bước sơ chế nguyên liệu theo tỷ lệ % trọng lượng sau:

Bột ngải cứu:	30-80
Quế chi:	5-15
Can khương:	3-13
Trầu không:	1-9
Thồm lồm:	1-9
Tía tô:	1-9
Phòng phong:	1-9
Tế tân:	1-9
Long não:	1-9
Natri clorua:	1-5; và

c) thu chế phẩm ngải cứu bằng cách trộn đều các thành phần ngải cứu, quế chi, can khương, trầu không, thồm lồm, tía tô, phòng phong, tế tân và long não trong thiết bị trộn, cuối cùng phối trộn với natri clorua và ủ trong 15 phút, thu được chế phẩm ngải cứu.

5. Quy trình theo điểm 4, trong đó tỷ lệ thành phần nguyên liệu trong bước chuẩn bị nguyên liệu bao gồm các thành phần sau theo tỷ lệ % trọng lượng:

Bột ngải cứu:	50
Quế chi:	10
Can khương:	8
Trầu không:	5
Thồm lồm:	5
Tía tô:	5
Phòng phong:	5
Tế tân:	5
Long não:	5
Natri clorua:	2.